TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **23**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07-9-2018
"V/v: Kiện xin ly hôn,
tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mơ
2. Bà Hứa Thị Nhị

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Luân – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Đắk Song.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 56/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2018 về "Kiện xin Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện S giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1995- Có mặt

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Trần Đình T1, sinh năm 1988- Vắng mặt lần thứ 2.

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2018 và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Chị và anh

T1 có đăng kết hôn vào năm 2015 tại UBND xã Nâm N'Jang, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Việc đăng ký kết hôn hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Trong quá trình chung sống có với nhau 01 con chung tên là Trần Đình T2, sinh ngày 18/07/2016. Sau khi kết hôn thì trong khoảng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T1 thường xuyên đánh đập chị mặc dù đã được bà con nội ngoại và hàng xóm khuyên bảo nhưng anh T1 vẫn không thay đổi bản thân. Hiện nay chị không còn tình cảm với anh T1 nữa. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị xin nuôi cháu Trần Đình T2, sinh ngày 18/7/2016 đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Qúa trình giải quyết vụ án chị yêu cầu cấp anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng, đến ngày 14/08/2018 chị có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh T1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Đình T1 trình bày: Anh T1 thừa nhận việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và con chung như nguyên đơn trình bày. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T1 có ý kiến như sau: Về mâu thuẫn vợ chồng thì đầu tiền là xuất phát từ chuyện nhỏ của hai vợ chồng, dẫn đến cãi nhau và xúc phạm nhau. Do bực tức nên anh T1 cũng có đánh chị 03 lần nhưng không gây thương tích gì. Anh vẫn còn tình cảm với chị , việc chị xin ly hôn anh T1 không đồng ý.

Về con chung: Nếu chị nhất quyết xin ly hôn thì anh T1 đồng ý cho chị được nuôi cháu Trần Đình T2, sinh ngày 18/07/2016 đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh T1 và chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm của mình; Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, Thẩm tra viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành pháp luật chưa tốt cụ thể: tại phiên tòa lần thức nhất và lần 2 bị đơn đều vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Đình T1.

Về con chung: Giao cháu Trần Đình T2, sinh ngày 18/07/2016 cho chị Nguyễn Thị Thu T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T1 không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện anh Trần Đình T1 về việc "Kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn 1, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định: Chị và anh T1 có đăng kết hôn vào năm 2015 tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Việc đăng ký kết hôn hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, do đó hôn nhân giữa chị và anh T1 là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T1 thường xuyên đánh đập chị, anh T1 cũng thừa nhận trong cuộc sống thì vợ chồng cũng xảy ra xích mích cãi nhau, xúc phạm nhau và anh có đánh đập chị 03 lần nhưng không gây ra thương tích, lời khai của các bên đương sự phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại nơi cư trú (bút lục 31). Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các bên quay về đoàn tụ với nhau để nuôi dạy con cái nhưng chị vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và mong muốn được ly hôn với anh T1. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị và anh T1 ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.Vì vậy, HĐXX có cơ sở để chấp nhận yêu ly hôn của chị .

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống có với nhau 01 con chung tên là Trần Đình Tiến, sinh ngày 18/07/2016. Chị có nguyện vọng nuôi cháu Trần Đình Tiến đến tuổi trưởng thành, anh T1 cũng đồng ý cho chị được quyền nuôi cháu Trần Đình T2. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân & gia đình thì *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con…"*. Xét thấy, yêu cầu của chị là có căn cứ nên HĐXX quyết định giao cháu Trần Đình T2, sinh ngày 18/7/2016 cho chị trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T2 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ngày 14/8/2018 chị đã có đơn xin rút đối với yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên cần áp dụng khoản 2 Điều 244 của BLTTDS đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Đình T1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở anh T1 thực hiện quyền này.

Trong trường hợp anh Trần Đình T1 lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị Thu T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh T1.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng khi cần thiết.

[4] Về tài sản chung: Các bên đương sự không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T .

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Đình T1.

Về con chung: Giao cháu Trần Đình T2, sinh ngày 18/07/2016 cho chị Nguyễn Thị Thu T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Áp dụng khoản 2 Điều 244 của BLTTDS, đình chỉ yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Thu T.

Anh Trần Đình T1 có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở anh T1 thực hiện quyền này.

Trong trường hợp anh Trần Đình T1 lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị Thu T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh T1.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng khi cần thiết.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001941 ngày 13/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản ản được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận
- STP tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- UBND xã Nâm N'Jang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải Âu